

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, trên cơ sở Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. Kết quả thẩm tra như sau:

1. Sự phù hợp của dự thảo nghị quyết với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

Khoản 2 và khoản 3, Điều 83 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “2. *Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.*”; “3. *Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương*”.

Điểm c, khoản 1, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp: “*Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mionhf và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục – đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ*”.

Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 theo các quy định nêu trên, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

- Dự thảo nghị quyết đề xuất phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025: Tổng kế hoạch vốn là 487.904 triệu đồng (gồm vốn ngân sách trung ương: 473.693 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh) đối ứng: 14.211 triệu đồng), trong đó:

- + Cấp huyện: 409.741 triệu đồng
- + Cấp tỉnh: 78.163 triệu đồng
- Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương-trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022: Tổng kế hoạch vốn là 162.022 triệu đồng (gồm vốn ngân sách trung ương: 157.302 triệu đồng và vốn ngân sách địa phương (cấp tỉnh) đối ứng: 4.720 triệu đồng), trong đó:

+ Cấp huyện: 138.772 triệu đồng

+ Cấp tỉnh: 23.250 triệu đồng.

(Có phân bổ theo nguồn vốn và theo dự án thành phần)

Qua thẩm tra Ban nhận thấy phương án phân bổ được xây dựng trên nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Quyết định 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ban Văn hóa – Xã hội cơ bản nhất trí phương án phân bổ như Tờ trình của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, tại biểu thuyết minh số 04 kèm theo Tờ trình số 91/TTr-UBND về phân bổ vốn thực hiện Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững: Việc xác định hệ số điểm đối với tiêu chí 3 (Lực lượng lao động đủ từ 15 tuổi trở lên) của huyện Ngân Sơn chưa chính xác. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện Ngân Sơn có 21.837 người, theo Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND hệ số phân bổ vốn là 1,3, trong biểu tính là 1,003. Do đó cần điều chỉnh lại hệ số phân bổ vốn của huyện Ngân Sơn, đồng thời rà soát lại các số liệu trong các biểu tính toán để nghị quyết ban hành bảo đảm tính chính xác.

3. Kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh thuyết minh làm rõ cơ sở phân bổ đối với số kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành và phương án triển khai thực hiện.

- Đề nghị ghép nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 với nghị quyết này thành 01 nghị quyết và sửa tên nghị quyết là: “*Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*”.

- Đối với kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành năm 2022 (23.250 triệu đồng): Đề nghị UBND tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Đối với kế hoạch vốn cấp huyện điều hành (138.772 triệu đồng) giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ chi tiết theo đúng quy định.

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khi phê duyệt danh mục các dự án/công trình thuộc 3 Chương trình mục tiêu quốc gia cần xem xét cụ thể để tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp, đảm bảo quy trình xây dựng kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đề nghị UBND tỉnh sớm trình HĐND tỉnh ban hành một số nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, Điều 40, Nghị định 27/2022/NĐ-CP (*Cơ chế lồng ghép nguồn vốn; cơ chế huy động các nguồn lực khác; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất*).

(Có dự thảo nghị quyết kèm theo)

Trên đây là kết quả thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu dự kỳ họp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

**TM. BAN VĂN HOÁ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Đồng Thị Vân Thoa

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển
giai đoạn 2021-2025 và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1019/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 và Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phân bổ và giao dự toán kinh phí

sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022; Báo cáo thẩm tra số: /BC-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 487.904 triệu đồng trong đó:
 - a) Cấp huyện: 409.741 triệu đồng.
 - b) Cấp tỉnh: 78.163 triệu đồng.
2. Phân bổ theo nguồn vốn:
 - a) Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 473.693 triệu đồng trong đó:
 - Cấp huyện: 397.806 triệu đồng.
 - Cấp tỉnh: 75.887 triệu đồng.
 - b) Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 14.211 triệu đồng, trong đó:
 - Cấp huyện: 11.935 triệu đồng.
 - Cấp tỉnh: 2.276 triệu đồng.

(Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn tại Nghị quyết số /7/2022 của HĐND tỉnh).
(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển: 162.022 triệu đồng trong đó:
 - a) Cấp huyện: 138.772 triệu đồng.
 - b) Cấp tỉnh: 23.250 triệu đồng.
2. Phân bổ theo nguồn vốn:
 - a) Kế hoạch vốn ngân sách trung ương 157.302 triệu đồng trong đó:
 - Cấp huyện: 134.729 triệu đồng.
 - Cấp tỉnh: 22.573 triệu đồng.
 - b) Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng 4.720 triệu đồng, trong đó:
 - Cấp huyện: 4.043 triệu đồng.
 - Cấp tỉnh: 677 triệu đồng.

(Kế hoạch vốn ngân sách địa phương (*cấp tỉnh*) đối ứng đã được giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số /7/2022 của HĐND tỉnh).
(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

3. Đối với kế hoạch vốn cấp tỉnh điều hành 23.250 triệu đồng, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất. Đối với kế hoạch vốn cấp huyện điều hành 138.772 triệu đồng, giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện phân bổ chi tiết theo đúng quy định.

Điều 3. Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 như sau:

1. Tổng kinh phí phân bổ: 43.883 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 14.096 triệu đồng.
- Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 29.787 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 03, 04 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí phân bổ:

- Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022: 48.766 triệu đồng;
- Nguồn tỉnh điều hành năm 2022: 1.470 triệu đồng (*gồm: Nguồn sự nghiệp kinh tế: 809 triệu đồng; sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 634 triệu đồng; quản lý hành chính, đảng đoàn thể: 27 triệu đồng*).

3. Đối với nguồn kinh phí chưa phân bổ tại kỳ họp này (*6.353 triệu đồng; trong đó: Ngân sách trung ương 6.168 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng: 185 triệu đồng*) giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi đã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Biểu số 01

Thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn Chương trình giai đoạn 2021-2025		Chi tiết từng dự án thành phần												
				Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo				Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững								
		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng			Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		
			NSTW	Đối ứng NSĐP (cấp tỉnh)		NSTW	Đối ứng NSĐP (cấp tỉnh)	Tổng	NSTW	Đối ứng NSĐP (cấp tỉnh)	Tổng	NSTW	Đối ứng NSĐP (cấp tỉnh)	Tổng	NSTW	Đối ứng NSĐP (cấp tỉnh)
	TỔNG	487.904	473.693	14.211	401.320	389.631	11.689	86.584	84.062	2.522	77.228	74.979	2.249	9.356	9.083	273
I	Phân cấp huyện điều hành	409.741	397.806	11.935	401.320	389.631	11.689	8.421	8.175	246	0	0	0	8.421	8.175	246
1	Thành phố Bắc Kạn	742	720	22				742	720	22				742	720	22
2	Huyện Pác Nặm	206.553	200.537	6.016	205.273	199.294	5.979	1.280	1.243	37				1.280	1.243	37
3	Huyện Ba Bể	1.390	1.349	41				1.390	1.349	41				1.390	1.349	41
4	Huyện Ngân Sơn	197.251	191.506	5.745	196.047	190.337	5.710	1.204	1.169	35				1.204	1.169	35
5	Huyện Bạch Thông	828	804	24				828	804	24				828	804	24
6	Huyện Chợ Đồn	1.020	990	30				1.020	990	30				1.020	990	30
7	Huyện Chợ Mới	903	877	26				903	877	26				903	877	26
8	Huyện Na Rì	1.054	1.023	31				1.054	1.023	31				1.054	1.023	31
II	Cấp tỉnh điều hành	78.163	75.887	2.276				78.163	75.887	2.276	77.228	74.979	2.249	935	908	27

Biểu số 02

Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng vốn Chương trình năm 2022		Chi tiết từng dự án thành phần												
				Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo				Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững								
		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng			Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		
			NSTW	Đối ứng NSDP (cấp tỉnh)		NSTW	Đối ứng NSDP (cấp tỉnh)	Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:	
	TỔNG	162.022	157.302	4.720	138.042	134.021	4.021	23.980	23.281	699	23.169	22.494	675	811	787	24
I	Phân cấp huyện điều hành	138.772	134.729	4.043	138.042	134.021	4.021	730	708	22	0	0	0	730	708	22
1	Thành phố Bắc Kạn	64	62	2	0			64	62	2				64	62	2
2	Huyện Pác Nặm	70.718	68.658	2.060	70.608	68.551	2.057	110	107	3				110	107	3
3	Huyện Ba Bể	121	117	4	0			121	117	4				121	117	4
4	Huyện Ngân Sơn	67.538	65.571	1.967	67.434	65.470	1.964	104	101	3				104	101	3
5	Huyện Bạch Thông	72	70	2	0			72	70	2				72	70	2
6	Huyện Chợ Đồn	89	86	3	0			89	86	3				89	86	3
7	Huyện Chợ Mới	78	76	2	0			78	76	2				78	76	2
8	Huyện Na Rì	92	89	3	0			92	89	3				92	89	3
II	Cấp tỉnh điều hành	23.250	22.573	677	0			23.250	22.573	677	23.169	22.494	675	81	79	2

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

Tổng hợp theo đơn vị, địa phương và theo lĩnh vực

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị, địa phương	Dự toán phân bổ và giao bổ sung năm 2022				Trong đó							
		Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế	Ngân sách Trung ương				Ngân sách địa phương đối ứng			
						Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế	Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh tế
	TỔNG CỘNG	43.883	21.721	899	21.263	42.598	21.087	872	20.639	1.285	634	27	624
I	Cấp tỉnh	14.096	11.302	295	2.499	13.685	10.973	286	2.426	411	329	9	73
1	Sở Lao động- TB&XH	7.261	4.588	174	2.499	7.050	4.455	169	2.426	211	133	5	73
2	Sở Thông tin và Truyền thông	121	0	121	0	117	0	117		4	0	4	
3	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	6.714	6.714	0	0	6.518	6.518			196	196	0	
II	Các huyện, thành phố	29.787	10.419	604	18.764	28.913	10.114	586	18.213	874	305	18	551
1	Thành phố Bắc Kạn	1.736	749	41	946	1.684	726	39	919	52	23	2	27
2	Huyện Pác Nặm	6.392	1.567	95	4.730	6.204	1.521	92	4.591	188	46	3	139
3	Huyện Ba Bể	3.490	1.409	85	1.996	3.388	1.368	83	1.937	102	41	2	59
4	Huyện Ngân Sơn	6.047	1.478	89	4.480	5.869	1.434	87	4.348	178	44	2	132
5	Huyện Bạch Thông	2.669	1.185	63	1.421	2.592	1.151	61	1.380	77	34	2	41
6	Huyện Chợ Đồn	2.999	1.303	71	1.625	2.912	1.266	69	1.577	87	37	2	48
7	Huyện Chợ Mới	2.896	1.276	69	1.551	2.811	1.239	67	1.505	85	37	2	46
8	Huyện Na Rì	3.558	1.452	91	2.015	3.453	1.409	88	1.956	105	43	3	59

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

Tổng hợp theo dự án, tiểu dự án

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án/ Tiểu dự án	Dự toán phân bổ và giao bổ sung năm 2022	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
A	B	1=2+3	2	3	4
	TỔNG SỐ	43.883	42.598	1.285	
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	4.022	3.904	118	Chi tiết tại Biểu 4.1
-	<i>TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>	4.022	3.904	118	
+	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	4.022	3.904	118	
2	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	14.685	14.255	430	Chi tiết tại Biểu 4.2
3	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	19.340	18.774	566	Chi tiết tại Biểu 4.3
-	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	16.784	16.294	490	
	<i>Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	531	515	16	
	<i>Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	2.025	1.965	60	
4	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	899	872	27	Chi tiết tại Biểu 4.4
	<i>Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin</i>	400	388	12	
	<i>Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	499	484	15	
5	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	4.937	4.793	144	Chi tiết tại Biểu 4.5
	<i>Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình</i>	3.225	3.131	94	
	<i>Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá</i>	1.712	1.662	50	

Biểu 4.1**DỰ ÁN 1: HỖ TRỢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KTXH CÁC HUYỆN NGHÈO***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Huyện, thành phố	Tổng kinh phí giao bổ sung năm 2022			Chia theo lĩnh vực		
					Sự nghiệp kinh tế		
					Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		
					Tổng số	Trong đó	
	NSTW	NSDP đối ứng		NSTW	NSDP đối ứng		
	TỔNG CỘNG	4.022	3.904	118	4.022	3.904	118
1	Huyện Pác Nặm	2.057	1.997	60	2.057	1.997	60
2	Huyện Ngân Sơn	1.965	1.907	58	1.965	1.907	58

Biểu 4.2

DỰ ÁN 2: ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí phân bổ và giao bổ sung năm 2022			Chia theo lĩnh vực		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			NSTW	NSDP đối ứng		NSTW	NSDP đối ứng
A	B	1	2	3	7	8	9
	TỔNG SỐ	14.685	14.255	430	14.685	14.255	430
I	Cấp tỉnh	2.202	2.138	64	2.202	2.138	64
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.202	2.138	64	2.202	2.138	64
II	Các huyện, thành phố	12.483	12.117	366	12.483	12.117	366
1	Thành phố Bắc Kạn	786	763	23	786	763	23
2	Huyện Pác Nặm	2.171	2.107	64	2.171	2.107	64
3	Huyện Ba Bể	1.695	1.645	50	1.695	1.645	50
4	Huyện Ngân Sơn	2.043	1.983	60	2.043	1.983	60
5	Huyện Bạch Thông	1.242	1.206	36	1.242	1.206	36
6	Huyện Chợ Đồn	1.404	1.363	41	1.404	1.363	41
7	Huyện Chợ Mới	1.355	1.315	40	1.355	1.315	40
8	Huyện Na Rì	1.787	1.735	52	1.787	1.735	52

DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, Thành phố	Tổng vốn được phân bổ năm 2022 cho dự án 4			Chia theo lĩnh vực								
					Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Sự nghiệp kinh tế					
		Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
NSTW	NSDP đối ứng (3%)		NSTW	NSDP đối ứng (3%)		NSTW	NSDP đối ứng (3%)		NSTW	NSDP đối ứng (3%)			
TỔNG CỘNG		19.340	18.774	566	16.784	16.294	490	531	515	16	2.025	1.965	60
1	Cấp tỉnh	10.367	10.064	303	10.070	9.776	294	95	92	3	202	196	6
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.653	3.546	107	3.356	3.258	98	95	92	3	202	196	6
2	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	6.714	6.518	196	6.714	6.518	196						
II	Cấp huyện	8.973	8.710	263	6.714	6.518	196	436	423	13	1.823	1.769	54
1	Thành phố Bắc Kạn	664	645	19	504	489	15				160	156	4
2	Huyện Pác Nặm	1.487	1.443	44	985	956	29	225	218	7	277	269	8
3	Huyện Ba Bể	1.183	1.148	35	882	856	26				301	292	9
4	Huyện Ngân Sơn	1.401	1.360	41	929	902	27	211	205	6	261	253	8
5	Huyện Bạch Thông	977	949	28	798	775	23				179	174	5
6	Huyện Chợ Đồn	1.088	1.056	32	867	842	25				221	214	7
7	Huyện Chợ Mới	1.050	1.019	31	854	829	25				196	190	6
8	Huyện Na Rì	1.123	1.090	33	895	869	26				228	221	7

DỰ ÁN 6: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Huyện, Thành phố	Tổng vốn được phân bổ 2022 cho dự án 6			Chia theo lĩnh vực					
					Sự nghiệp văn hóa, thông tin					
					Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin			Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		
		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
NSTW	NSDP đôi ứng		NSTW	NSDP đối ứng (3%)		NSTW	NSDP đôi ứng (3%)			
TỔNG CỘNG		899	872	27	400	388	12	499	484	15
I	Cấp tỉnh	295	286	9	121	117	4	174	169	5
1	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	174	169	5	0			174	169	5
2	Sở Thông tin và truyền thông	121	117	4	121	117	4			
II	Các huyện, thành phố	604	586	18	279	271	8	325	315	10
1	Thành phố Bắc Kạn	41	39	2	19	18	1	22	21	1
2	Huyện Pác Nặm	95	92	3	44	43	1	51	49	2

3	Huyện Ba Bê	85	83	2	39	38	1	46	45	1
4	Huyện Ngân Sơn	89	87	2	41	40	1	48	47	1
5	Huyện Bạch Thông	63	61	2	29	28	1	34	33	1
6	Huyện Chợ Đồn	71	69	2	33	32	1	38	37	1
7	Huyện Chợ Mới	69	67	2	32	31	1	37	36	1
8	Huyện Na Rì	91	88	3	42	41	1	49	47	2

DỰ ÁN 7: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Huyện, Thành phố	Tổng vốn được phân bổ năm 2022 cho dự án 7			Chia theo lĩnh vực					
					Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
		Trong đó			Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá		
					Tổng số	NSTW	NSDP đối ứng (3%)	Tổng số	NSTW	NSDP đối ứng (3%)
TỔNG CỘNG		4.937	4.793	144	3.225	3.131	94	1.712	1.662	50
I	Cấp tỉnh	1.232	1.197	35	805	782	23	427	415	12
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.232	1.197	35	805	782	23	427	415	12
II	Các huyện, thành phố	3.705	3.596	109	2.420	2.349	71	1.285	1.247	38
1	Thành phố Bắc Kạn	245	237	8	160	155	5	85	82	3
2	Huyện Pác Nặm	582	565	17	380	369	11	202	196	6
3	Huyện Ba Bể	527	512	15	344	334	10	183	178	5
4	Huyện Ngân Sơn	549	532	17	359	348	11	190	184	6
5	Huyện Bạch Thông	387	376	11	252	245	7	135	131	4
6	Huyện Chợ Đồn	436	424	12	285	277	8	151	147	4
7	Huyện Chợ Mới	422	410	12	276	268	8	146	142	4
8	Huyện Na Rì	557	540	17	364	353	11	193	187	6